

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Kim Tuấn

2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn K; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh Lan H, địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông K và bà H có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn K trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thanh Lan H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà H bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay ông không còn tình cảm vợ chồng và không thể chung sống với bà H được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thanh Lan H.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thanh Lan H có 03 con chung là Huỳnh Thảo N, sinh năm 1994, Huỳnh Tuấn K1, sinh năm 1998 và Huỳnh Trung K2, sinh ngày 20-12-2003. Hiện nay cháu Huỳnh Trung K2 đang sống cùng với ông nên ông yêu cầu giao cháu K2 cho ông trực tiếp nuôi, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K đồng ý giao con cho bà H nuôi. Đối với cháu N và cháu K1 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thanh Lan H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 28-4-2020, biên bản lấy lời khai ngày 28-4-2020, bị đơn bà Nguyễn Thanh Lan H trình bày:*

Giữa bà và ông Huỳnh Văn K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 19-3-1994. Bà và ông K chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống với ông K đến nay bản thân bà làm tròn nghĩa vụ của người con dâu, người vợ và người mẹ. Giữa bà và ông K không có mâu thuẫn gì lớn nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông K. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H đồng ý ly hôn ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 03 con chung là Huỳnh Thảo N, sinh năm 1994, Huỳnh Tuấn K1, sinh năm 1998 và Huỳnh Trung K2, sinh ngày 20-12-2003. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn hoặc không công nhận bà và ông K là vợ chồng thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi con chung cháu Huỳnh Trung K2, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N và cháu K1 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H; về con chung: Giao con chung Huỳnh Trung K2, sinh ngày 20-12-2003 cho bà Nguyễn Thanh Lan H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; về cấp dưỡng cho con: Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung: Ông K và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về nợ chung: Ông K và bà H trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Tại thời điểm ông Huỳnh Văn K xin ly hôn thì bà Nguyễn Thanh Lan H đang cư trú tại Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn K là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H thì ông K, bà H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông K và bà H phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ tại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 11-8-2020.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay. Tuy nhiên, từ khi chung sống như vợ chồng đến nay, ông K và bà H không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H có 03 con chung là Huỳnh Thảo N, sinh năm 1994; Huỳnh Tuấn K1, sinh năm 1998 và Huỳnh Trung K2, sinh ngày 20-12-2003. Trong đơn khởi kiện, ông Huỳnh Văn K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Huỳnh Trung K2. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông K và bà H thỏa thuận giao con chung Huỳnh Trung K2 cho bà H trực tiếp nuôi. Xét thấy, việc ông K và bà H thỏa thuận giao con chung Huỳnh Trung K2 cho bà H nuôi là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; đồng thời, thỏa thuận đó cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung Huỳnh Trung K2 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 02 con chung là Huỳnh Thảo N và Huỳnh Tuấn K1, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên ông K, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Bà Nguyễn Thanh Lan H được giao trực tiếp nuôi con, nhưng bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Huỳnh Văn K phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông K đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 14, 15, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H.

2. Về con chung: Ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H có 03 con chung là Huỳnh Thảo N, sinh năm 1994, Huỳnh Tuấn K1, sinh năm 1998 và Huỳnh Trung K2, sinh ngày 20-12-2003.

Giao con chung Huỳnh Trung K2, sinh ngày 20-12-2003 cho bà Nguyễn Thanh Lan H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với 02 con chung là Huỳnh Thảo N và Huỳnh Tuấn K1, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Huỳnh Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Bà Nguyễn Thanh Lan H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thanh Lan H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Ông Huỳnh Văn K phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002576 ngày 20-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14-8-2020).

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phong**